

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2024
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trâm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Á

Bà Trần Thị Diệu Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Xuân Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*
Ông Trần Văn Phiên – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2024 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1997

Địa chỉ: thôn X, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: ông Phạm Chí B, sinh năm 2000

Địa chỉ: F, H, Maidashi 5choume, 2ban - 2gou, P – maidashi 505gou, Nhật Bản.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2024, bản tự khai ngày 24/10/2024, nguyên đơn bà Trần Thị Bích L trình bày: Bà và ông Phạm Chí B tự nguyện kết hôn năm 2023 tại Nhật Bản theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2023 ngày 04/4/2023 của T tại F, Nhật Bản. Sau khi kết hôn, bà L và ông B sống tại Nhật Bản được một thời gian thì bà L phải về Việt Nam sinh sống và làm việc vì lý do hoàn cảnh gia đình. Dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống và nhận thức khác nhau. Nay, bà thấy vợ chồng không thể đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn ông Phạm Chí B. Về con chung không có. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại Bản tự khai và Bản trình bày ý kiến được T tại F, Nhật Bản chứng nhận ngày 09/8/2024, bị đơn ông Phạm Chí B trình bày: ông và bà Trần Thị Bích L có đăng ký kết hôn tại T tại F, Nhật Bản theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2023 ngày 04/4/2023. Ông thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau nên nay bà Trần Thị Bích L gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, ông đồng ý ly hôn với bà L. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn cũng đã có ý kiến đồng ý ly hôn và có yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án được T tại F, Nhật Bản xác nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Bích L và bị đơn ông Phạm Chí B đã có lời khai và có yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Bích L và ông Phạm Chí B tự nguyện kết hôn năm 2023 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2023 ngày 04/4/2023 của T tại F, Nhật Bản nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn do bà Trần Thị Bích L về Việt Nam sinh sống, ông Phạm Chí B sống tại Nhật Bản nên giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi vì bất đồng quan điểm sống. Nay, nguyên đơn bà Trần Thị Bích L yêu cầu được ly hôn ông Phạm Chí B vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Bị đơn ông Phạm Chí B cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Án phí: Bà Trần Thị Bích L phải nộp án phí 300.000đ HNGĐ-ST.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Bà Trần Thị Bích L phải chịu chi phí gửi bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình của N;
- Căn cứ vào Điều 147, Điều 153, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thị Bích L được ly hôn ông Phạm Chí B.

2. Về con chung: Đương sự khai không có nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Bích L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000564 ngày 24/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Bích L phải chịu chi phí gửi bản án.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn ở nước ngoài và vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Tổng LSQ Việt nam tại Fukuoka, Nhật Bản;
- Đương sự
- Lưu AV, HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Trâm